

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2013

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2013)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ N.

026609

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam 20-08-2013

Tên TCPH: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TW I

Chuyển:.....

Tên giao dịch: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TW I - VIETNAM VETERINARY
PRODUCTS JSC.

Lưu hồ sơ số:.....

Trụ sở chính: 88, Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 043.869.1262

Fax: 043.869.1263

Sàn giao dịch: Lưu ký

Xin thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty như sau:

Tên chứng khoán : CỔ PHIẾU CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TW I

Mã chứng khoán : VNY

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000đ/cổ phần

Ngày đăng ký cuối cùng : 08/04/2013

Đồng thời đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán nói trên.

1. Lý do và mục đích

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013

2. Nội dung cụ thể

- Tỷ lệ thực hiện: 1:1 (01 cổ phần - 01 quyền biểu quyết)

- Thời gian thực hiện dự kiến: ngày 25/04/2013.

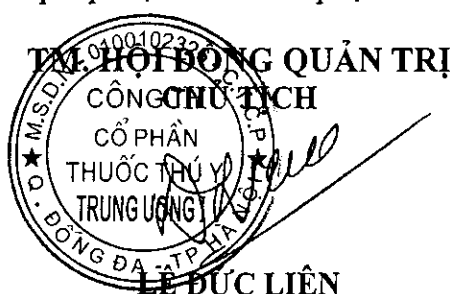
- Địa điểm thực hiện: Thời gian và địa điểm tổ chức Công ty sẽ thông báo đến từng cổ đông trong thư mời dự Đại hội; đăng tin trên Website của Công ty.

- Nội dung họp: báo cáo kết quả SXKD năm 2012, phương án phân phối lợi nhuận, thông qua KHSX KD 2013.

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông Công ty CP thuốc thú y TWI.
2. Giấy uỷ quyền.
3. Nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
4. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và bộ máy điều hành năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013.
5. Báo cáo công khai một số chỉ tiêu Tài chính năm 2012

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

-----&-----

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TW I

Kính gửi: QUÝ VỊ CỎ ĐÔNG CÔNG TY CỎ PHẦN THUỐC THÚ Y TW I

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty CP Thuốc thú y TW I, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc thú y TW I quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ IV năm 2013.

Trân trọng kính mời Quý vị Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên nhiệm kỳ IV năm 2013 của Công ty cổ phần Thuốc thú y TWI:

Thời gian: 8h00 ngày 25/04/2013.

Địa điểm: Hội trường tầng 3 nhà máy Công ty tại Tân Quang-Văn Lâm -Hưng Yên.

Nội dung Đại hội: Theo chương trình nghị sự đính kèm.

Đại hội sẽ tiến hành xem xét, thảo luận, thông qua báo cáo đánh giá kết quả quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2012. Báo cáo của bộ máy điều hành về hoạt động, kinh doanh năm 2012. Báo cáo của Ban kiểm soát. Thảo luận về chỉ tiêu, phương hướng hoạt động năm 2013.

Xin gửi kèm theo tài liệu, đề nghị Quý vị nghiên cứu trước và mang theo để sử dụng trong Đại hội.

Trân trọng kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ghi chú: Đề nghị quý vị Cổ đông mang theo Thông báo này và CMTND khi đến tham dự Đại hội; trường hợp quý Cổ đông không thể trực tiếp đến tham dự, vui lòng ủy quyền theo mẫu đính kèm. Để việc tổ chức Đại hội được thành công đề nghị quý Cổ đông gửi giấy ủy quyền hoặc xác nhận việc tham dự Đại hội tới ban tổ chức theo địa chỉ: Ông **Đặng Văn Dũng** – Phòng Tổ chức hành chính - Công ty CP Thuốc thú y TW I, điện thoại: **04.38691262** hoặc bằng Fax: **04.38691263**.

-----&-----

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2013

GIẤY MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NHIỆM KỲ IV NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TW I

Kính gửi: Đại diện Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Hội đồng quản trị Công ty CP thuốc thú y TWI Trân trọng kính mời Quý vị tham dự Đại hội cổ đông thường niên nhiệm kỳ IV năm 2013 của Công ty cổ phần Thuốc thú y TWI:

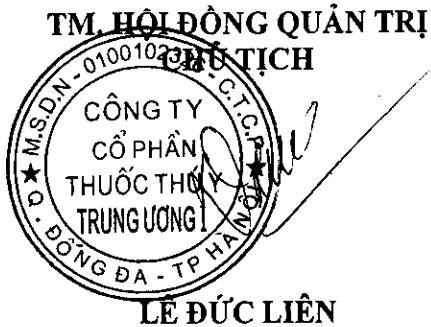
Thời gian: 8h00 ngày 25/04/2013.

Địa điểm: Hội trường tầng 3 nhà máy Công ty tại Tân Quang-Văn Lâm -Hưng Yên.

Nội dung Đại hội:

Đại hội sẽ tiến hành xem xét, thảo luận, thông qua báo cáo đánh giá kết quả quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2012. Báo cáo của bộ máy điều hành về hoạt động, kinh doanh năm 2012. Phương hướng hoạt động năm 2013. Báo cáo của Ban kiểm soát.

Trân trọng kính mời!



GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Tôi tên là: (tổ chức/cá nhân):

CMND/ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)

Tương ứng với tổng mệnh giá là: đồng

ỦY QUYỀN CHO

Ông (bà):

CMND/ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương I và có quyền biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng với số cổ phần do tôi sở hữu.

....., ngày tháng 04 năm 2013

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Để việc tổ chức Đại hội được thành công đề nghị quý cổ đông gửi giấy ủy quyền hoặc xác nhận việc tham dự Đại hội tới Ban tổ chức theo địa chỉ: Ông **Đặng Văn Dũng** – Phòng Tổ chức hành chính - Công ty CP Thuốc thú y TW I, Fax: (04) 3.869.1263, hoặc bằng điện thoại (04) 3.869.1262 trước 16h00 ngày 18/04/2013.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Thời gian tổ chức: Từ 8h ngày 25 tháng 04 năm 2013

Thời gian	Nội dung
8h – 8h45	Đón tiếp khách và cổ đông - Đón tiếp đại biểu, cổ đông - Lập danh sách các cổ đông có mặt. Kiểm tra điều kiện tổ chức Đại hội.
8h45– 9h00	Khai mạc Đại hội - Chào cờ, khai mạc - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu đến dự.
9h00 - 9h15	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu là cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của Pháp luật - Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký.
9h15- 12h00	Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát - Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, và phương hướng hoạt động năm 2013 do Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty trình bày. - Báo cáo hoạt động tài chính do ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty trình bày. - Báo cáo hoạt động kiểm tra, kiểm soát năm 2012 của Ban kiểm soát. - Phát biểu thảo luận.
12h00 - 13h30	- Đại hội nghỉ trưa
13h30 – 16h00	- Đại hội tiếp tục thảo luận - Biểu quyết thông qua các báo cáo - Thông qua nghị quyết và biên bản của Đại hội - Tuyên bố bế mạc Đại hội. - Chào cờ.

BÁO CÁO CÔNG KHAI

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2012

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TWI

(Đã điều chỉnh số liệu theo nghị quyết ĐHCĐ 2012)

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Phụng UV hội đồng quản trị - Kế toán trưởng

I, Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN 31/12/2012	GHI CHÚ
I. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	<u>130,593,432,854</u>	
1. Tiền:	19,293,225,589	
+ Tiền mặt tồn quỹ	9,390,754,980	
+ Tiền gửi ngân hàng	9,902,470,609	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	858,960,000	
3. Các khoản phải thu	31,472,698,892	
4. Hàng tồn kho	67,800,355,234	
- Giá trị vật tư tồn kho	5,029,105,101	
- Công cụ dụng cụ	1,519,633,478	
- Chi phí dở dang	596,156,593	
- Thành phẩm tồn kho	6,754,986,980	
- Hàng hoá nguyên liệu tồn kho	52,891,582,258	
- Hàng gửi đi bán	1,008,890,824	
5. Tài sản ngắn hạn khác	11,168,193,139	
- Thuế GTGT được khấu trừ	503,770,159	
- Tài sản lưu động khác	10,664,422,980	
II. TSCĐ và đầu tư dài hạn	<u>154,363,071,770</u>	
1. Tài sản cố định	7,571,236,087	
a. Nguyên giá TSCĐ	17,493,834,966	
b. Giá trị hao mòn lũy kế	-9,922,598,879	
2. Chi phí XDCB dở dang	145,853,717,727	
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	866,640,000	
4. Tài sản dài hạn khác	71,477,956	
III. Nợ thực tế phải trả	<u>201,562,644,710</u>	
Vay ngân hàng	48,085,740,440.00	
Vay huy động	52,907,055,400.00	
Vay ngân hàng trung dài hạn	22,639,602,980.00	
Vay khách hàng	42,044,932,459.00	
Người mua ứng trước tiền hàng	9,279,933,239.00	
Chi phí phải trả	2,401,108,942.00	
Phải trả CBCNV	2,976,488,274.00	
Thuế và các khoản nộp ngân sách	9,571,183,370.00	



Các khoản phải trả khác	11,656,599,606.00	
IV. Nguồn vốn - Quỹ	83,393,859,914.00	
Nguồn vốn kinh doanh		
Vốn cổ phần	66,000,000,000	
Vốn nhà nước + dự trữ nhà nước	278,962,752	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Quỹ PTSX	3,984,660,233	
Quỹ dự phòng	199,988,748	
Quỹ phúc lợi	317,779,277	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12,612,468,904	
V. Các quỹ		
a. Quỹ đầu tư và phát triển		
Số dư đầu kỳ	1,741,365,028	
Số trích trong kỳ	2,243,295,205	
Số chi trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	3,984,660,233	
b. Quỹ dự phòng tài chính		
Số dư đầu kỳ	218,108,446	
Số trích trong kỳ	788,279,307	
Số chi trong kỳ	806,399,005	
Số dư cuối kỳ	199,988,748	
c. Quỹ khen thưởng +phúc lợi		
Số dư đầu kỳ	-338,910,253	
Số trích trong kỳ	1,576,558,613	
Số chi trong kỳ	919,869,083	
Số dư cuối kỳ	317,779,277	
VI. Kết quả kinh doanh.		
1. Tổng doanh thu	253,121,821,465	
Trong đó doanh thu nội bộ:		
2. Các khoản giảm trừ:	634,421,992	
a, Chiết khấu bán hàng:	71,228,881	
b, Hàng bán trả lại:	563,193,111	
3. Doanh thu thuần:	252,487,399,473	
4. Giá vốn hàng bán	192,353,986,678	
5. Lợi nhuận gộp	60,133,412,795	
6. Chi phí bán hàng	22,598,955,512	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,207,774,157	
8. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD:	15,326,683,126	
a. Thu nhập hoạt động tài chính	10,861,089,569	
b. Chi phí hoạt động tài chính	4,261,905,170	
9. Lợi nhuận hoạt động tài chính	6,599,184,399	
a. Các khoản thu nhập bất thường	825,000,579	
10. Lợi tức bất thường	825,000,579	
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	22,750,868,104	

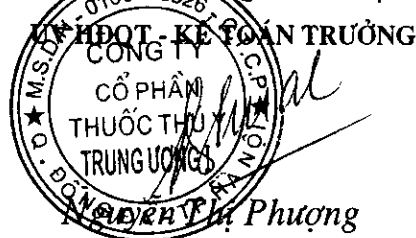
12. Thuế thu nhập phải nộp:	3,868,947,153	
13. Lợi nhuận sau thuế:	18,881,920,951	
VII. Nộp ngân sách nhà nước:		
a, Các khoản thuế phải nộp trong kỳ		
b, Các khoản thuế đã nộp trong kỳ	3,414,674,626	
VIII. Các khoản nộp BHXH, YT, Kinh phí công đoàn		
a, Các khoản phải nộp trong kỳ	1,580,352,842	
b, Các khoản đã nộp trong kỳ	1,701,687,354	
IX. Lao động		
1, tổng số lao động bình quân	180	
X. Thu nhập		
a, Tổng quỹ lương:	18,614,723,033	
b, Tiền lương bình quân:	7,756,135	
c, Thu nhập bình quân	8,139,413	

II, CHI TIẾT CHI ĐẦU TƯ XÂY NHÀ MÁY TẠI TÂN QUANG

DIỄN GIẢI	SỐ ĐÃ THANH TOÁN ĐẾN 31/12/2011	SỐ ĐÃ THANH TOÁN TRONG NĂM	SỐ ĐÃ THANH TOÁN ĐẾN 31/12/2012
- Cơ sở hạ tầng	1,651,243,393		1,651,243,393
- Tiền san nền+tường rào	1,498,629,999		1,498,629,999
- Tiền Thiết kế	2,777,414,784		2,777,414,784
- Lãi vốn góp xây dựng	36,617,490,516	14,625,129,068	51,242,619,584
- Tiền thuê đất	833,124,000		833,124,000
- Chi phí khác	3,553,424,029	291,459,978	3,844,884,007
- xây dựng trạm điện hưng yên	1,290,345,455		1,290,345,455
- Tạm ứng tiền theo HĐ tổng thầu	63,079,357,567	9,268,130,971	72,347,488,538
- Trả tiền khung thép Zamin Steel	2,652,071,206	106,826,000	2,758,897,206
- Khảo sát địa chất & giếng khoan khai	267,913,637	19,303,864	287,217,501
- Thẩm định thiết kế	218,583,636		218,583,636
- Chi phí đào tạo+tư vấn GMP	2,776,433,560		2,776,433,560
- Thuế thu nhập nhà thầu	818,458,727		818,458,727
- Máy móc thiết bị KN	3,001,626,062	506,751,275	3,508,377,337
	121,036,116,571	24,817,601,156	145,853,717,727

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2013

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CP THUỐC THỦ Y TW I
88, Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ HỢP NGÀY 25 THÁNG 4 NĂM 2013

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CP	GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU ĐƯỢC ỦY QUYỀN	TỔNG GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU DỰ HỢP	GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU BIỂU QUYẾT
1	Lê Văn Năm	315,800	3,158,000,000	11,600	327,400	3,274,000,000
2	Lê Đức Liên	138,200	1,382,000,000	798,040	936,240	9,362,400,000
3	Nguyễn Thị Hương	183,840	1,838,400,000		183,840	1,838,400,000
4	Nguyễn Thị Phượng	78,000	780,000,000	149,500	227,500	2,275,000,000
5	Trần Hồng Quỳnh	60,000	600,000,000	38,600	98,000	980,000,000
6	Phạm Thị Phúc	101,120	1,011,200,000	112,940	216,060	2,160,600,000
7	Đào Ngọc Đức	40,000	400,000,000		40,000	400,000,000
8	Đặng Thị Hiền	24,290	242,900,000		24,290	242,900,000
9	Phạm Văn Côi	26,080	260,800,000		26,080	260,800,000
10	Nguyễn Huy Đức	42,000	420,000,000	78,000	120,000	1,200,000,000
11	Phan Thị Thơ	60,000	600,000,000		60,000	600,000,000
12	Đỗ Văn Thoảng	17,100	171,000,000		17,100	171,000,000
13	Phạm Xuân Bảo	40,500	405,000,000	92,860	133,360	1,333,600,000
14	Lê Đình Lực	20,000	200,000,000		20,000	200,000,000
15	Trịnh Thị Mai Hoà	23,200	232,000,000	30,000	53,200	532,000,000
16	Phan Thị Lan Anh	20,720	207,200,000		20,720	207,200,000
17	Bùi Việt Dũng	40,500	405,000,000	47,000	87,500	875,000,000
18	Lương Thị Thanh Thủy	10,660	106,600,000		10,660	106,600,000
19	Nguyễn Thị Thu Hà	47,000	470,000,000	3,500	3,500	35,000,000
20	Vũ Anh Dũng	20,000	200,000,000		20,000	200,000,000
21	Nguyễn Thị Tố Nga	14,000	140,000,000		14,000	140,000,000
22	Nguyễn Bá Cường	13,840	138,400,000		13,840	138,400,000
23	Phùng Sỹ Thực	24,200	242,000,000		24,200	242,000,000
24	Hoàng Hải Quý	12,000	120,000,000		12,000	120,000,000
25	Đinh Thị Xuân Phúc	36,000	360,000,000	16,000	52,000	520,000,000
26	Vũ Tiến Nghị	25,240	252,400,000		25,240	252,400,000

0 ★ M.S.D.N

27	Phạm Huy Khánh	15,020	150,200,000		15,020	150,200,000
28	Lê Thị Minh Đức	22,840	228,400,000	26,040	48,880	488,800,000
29	Vũ Thị Nguyệt	35,000	350,000,000		35,000	350,000,000
30	Nguyễn Duy Ngọc	21,000	210,000,000		21,000	210,000,000
31	Vũ Hoàng Sơn	17,670	176,700,000		17,670	176,700,000
32	Nguyễn Cảnh Thanh	13,740	137,400,000	8,720	22,460	224,600,000
33	Đỗ Quang	10,530	105,300,000		10,530	105,300,000
34	Nguyễn Thị Lam	12,000	120,000,000		12,000	120,000,000
35	Nguyễn Đình Toán	15,200	152,000,000		15,200	152,000,000
36	Nguyễn Đình Khôi	6,120	61,200,000		6,120	61,200,000
37	Nguyễn Thị Hà	6,080	60,800,000		6,080	60,800,000
38	Đặng Thị Chín	1,020	10,200,000		1,020	10,200,000
39	Phạm Thị Hiếu	10,660	106,600,000		10,660	106,600,000
40	Lê Thị Nhật	13,500	135,000,000		13,500	135,000,000
41	Nguyễn Thị Phương Yên	65,860	658,600,000		65,860	658,600,000
42	Nguyễn Thị Thanh Bình	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
43	Đỗ Thị Thu Hằng	15,000	150,000,000		15,000	150,000,000
44	Đinh Thị Lâm	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
45	Đỗ Thị Hằng	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
46	Lê Thị Yên	5,570	55,700,000		5,570	55,700,000
47	Nguyễn Thị Thu Hà	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
48	Nguyễn Tiến Sơn	9,000	90,000,000		9,000	90,000,000
49	Đỗ Thị Nụ	9,000	90,000,000		9,000	90,000,000
50	Cao Văn Tân	6,030	60,300,000		6,030	60,300,000
51	Phan mạnh Hào	5,850	58,500,000		5,850	58,500,000
52	Võ Thị Minh Hằng	8,160	81,600,000		8,160	81,600,000
53	Dương Thị Mến	9,000	90,000,000		9,000	90,000,000
54	Phạm Thị Nhi	15,000	150,000,000		15,000	150,000,000
55	Võ Thị Nam Hải	8,080	80,800,000		8,080	80,800,000
56	Vũ Thị Nghiêm	5,350	53,500,000		5,350	53,500,000
57	Tôn Thất Hùng	7,760	77,600,000		7,760	77,600,000

58	Nguyễn Văn Hùng	2,760	27,600,000		2,760	27,600,000
59	Đỗ Cao Huyền	8,160	81,600,000		8,160	81,600,000
60	Vương Thị Thương	7,280	72,800,000		7,280	72,800,000
61	Hoàng Thị Nga	4,670	46,700,000		4,670	46,700,000
62	Vũ Thế Sơn	4,440	44,400,000		4,440	44,400,000
63	Vũ Văn Đôn	6,480	64,800,000		6,480	64,800,000
64	Phạm Phương Thảo	7,000	70,000,000		7,000	70,000,000
65	Nguyễn Nhị Hà	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
66	Cao Thị Hà	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
67	Hoàng Thị Kim Thành	5,830	58,300,000		5,830	58,300,000
68	Hoàng Thuý Hiền	4,040	40,400,000		4,040	40,400,000
69	Lê Thị Vinh	120	1,200,000		120	1,200,000
70	Phạm Thị Hào	4,500	45,000,000		4,500	45,000,000
71	Nguyễn Bá Đạo	7,000	70,000,000		7,000	70,000,000
72	Nguyễn Thị Thu Hằng	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
73	Ngô Thị Ánh Tuyết	2,420	24,200,000		2,420	24,200,000
74	Phan Văn Long	4,840	48,400,000		4,840	48,400,000
75	Vũ Thị Hải Hồng	11,600	116,000,000	12,660	24,260	242,600,000
76	Vũ Thị Huệ	5,000	50,000,000		5,000	50,000,000
77	Phạm Thị Ngọc Cảnh	12,700	127,000,000		12,700	127,000,000
78	Nguyễn Xuân Bằng	2,750	27,500,000		2,750	27,500,000
79	Hà Thị Huệ	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
80	Nguyễn Thị Hoàn	4,440	44,400,000		4,440	44,400,000
81	Tường Phi Nga	1,640	16,400,000		1,640	16,400,000
82	Phạm Thị Thanh Hiền	2,860	28,600,000		2,860	28,600,000
83	Trần Đức Huy	820	8,200,000		820	8,200,000
84	Lê Văn Hồng	5,040	50,400,000		5,040	50,400,000
85	Ngô Thị Thơm	1,220	12,200,000		1,220	12,200,000
86	Nguyễn Thị Thanh Thủy	2,400	24,000,000		2,400	24,000,000
87	Phạm Vân Anh	2,440	24,400,000		2,440	24,400,000
88	Nguyễn Văn Bính	1,640	16,400,000		1,640	16,400,000

CHITRA

89	Nguyễn Văn Luyện	1,640	16,400,000		1,640	16,400,000
90	Trần Thị Kim Anh	1,640	16,400,000		1,640	16,400,000
91	Đặng Hồng Giang	540	5,400,000		540	5,400,000
92	Nguyễn Văn Đoàn	1,000	10,000,000		1,000	10,000,000
93	Phạm Thị Phụng	1,500	15,000,000		1,500	15,000,000
94	Ngô Mạnh Trường	600	6,000,000		600	6,000,000
95	Nguyễn Thanh Hà	800	8,000,000		800	8,000,000
96	Trần Văn Khoa	200	2,000,000		200	2,000,000
97	Lê Bảo Việt	152,980	1,529,800,000		152,980	1,529,800,000
98	Chu Quốc Hùng	50,590	505,900,000		50,590	505,900,000
99	Lê Hải Đoàn	150,000	1,500,000,000		150,000	1,500,000,000
100	Nguyễn Thị Phương Mai	80,000	800,000,000		80,000	800,000,000
101	Đỗ Thị Thái	46,280	462,800,000		46,280	462,800,000
102	Võ Thị Quý	107,380	1,073,800,000	62,710	170,090	1,700,900,000
103	Đào Diệp Anh	31,820	318,200,000		31,820	318,200,000
104	Nguyễn Thị Bích Hoa	70,000	700,000,000		70,000	700,000,000
105	Hoàng Mạnh Hùng	29,770	297,700,000		29,770	297,700,000
106	Nguyễn Tiến Dũng	57,120	571,200,000		57,120	571,200,000
107	Lê Thị Thanh	24,860	248,600,000		24,860	248,600,000
108	Lê Văn Bầm	100,000	1,000,000,000		100,000	1,000,000,000
109	Lê Việt Thắng	100,000	1,000,000,000		100,000	1,000,000,000
110	Phạm Quỳnh Trang	21,910	219,100,000		21,910	219,100,000
111	Trần Văn Thiên	21,600	216,000,000		21,600	216,000,000
112	Đào Tú Khanh	20,400	204,000,000		20,400	204,000,000
113	Bùi Xuân Trinh	20,400	204,000,000		20,400	204,000,000
114	Lê Bá Lịch	46,000	460,000,000		46,000	460,000,000
115	Nguyễn Công Hùng	18,340	183,400,000		18,340	183,400,000
116	Đinh Văn Lạp	25,140	251,400,000		25,140	251,400,000
117	Hoàng Ân Hà	16,320	163,200,000		16,320	163,200,000
118	Nguyễn Văn Thịnh	16,320	163,200,000		16,320	163,200,000
119	Phạm Thị The	60,000	600,000,000		60,000	600,000,000

ĐƠN
Ổ P
JỐC
UNG
3 Đ

120	Bùi Thị Thanh	14,280	142,800,000		14,280	142,800,000
121	Nguyễn Quốc Thành	28,560	285,600,000		28,560	285,600,000
122	Nguyễn Thị Thu Hồng	14,280	142,800,000		14,280	142,800,000
123	Đặng Văn Dũng	23,700	237,000,000	57,730	81,430	814,300,000
124	Phan Thị Thuyết	27,760	277,600,000		27,760	277,600,000
125	Vũ Thuý Hương	13,820	138,200,000		13,820	138,200,000
126	Phạm Ngân	50,000	500,000,000	7,660	57,660	576,600,000
127	Dương Thị Sừ	13,660	136,600,000		13,660	136,600,000
128	Nguyễn Phúc Đĩnh	12,840	128,400,000		12,840	128,400,000
129	Nguyễn Quý	16,030	160,300,000		16,030	160,300,000
130	Vương Đức Cường	32,480	324,800,000		32,480	324,800,000
131	Ngô Thị Nguyệt	12,720	127,200,000		12,720	127,200,000
132	Phạm Thị Thu Anh	36,900	369,000,000		36,900	369,000,000
133	Trương Thị Thái	15,840	158,400,000		15,840	158,400,000
134	Nguyễn Thị Đát	22,840	228,400,000		22,840	228,400,000
135	Lê Quang Vinh	15,000	150,000,000		15,000	150,000,000
136	Nguyễn Thị Thuý Ngân	11,000	110,000,000		11,000	110,000,000
137	Ngô Thị Mỹ Hiền	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
138	Trần Văn Bình	8,540	85,400,000		8,540	85,400,000
139	Hoàng Triện	8,160	81,600,000		8,160	81,600,000
140	Nguyễn Thị Dinh	4,160	41,600,000		4,160	41,600,000
141	Nguyễn Thị Chi	6,120	61,200,000		6,120	61,200,000
142	Nguyễn Thị Vui	16,320	163,200,000		16,320	163,200,000
143	Nguyễn Đức Thuyết	4,680	46,800,000		4,680	46,800,000
144	Tôn Thất Nghĩa	4,490	44,900,000		4,490	44,900,000
145	Doãn Văn An	4,080	40,800,000		4,080	40,800,000
146	Trần Thị Ngu	5,020	50,200,000		5,020	50,200,000
147	Kiều Văn Hiện	2,840	28,400,000		2,840	28,400,000
148	Nguyễn Phúc Lân	2,040	20,400,000		2,040	20,400,000
149	Trương Thị Hoa	1,620	16,200,000		1,620	16,200,000
150	Phan Sơn Hào	1,420	14,200,000		1,420	14,200,000

151	Nguyễn Viết Bằng	410	4,100,000		410	4,100,000
152	Trần Như Hải	1,220	12,200,000		1,220	12,200,000
153	Lê Thị Vân	1,220	12,200,000		1,220	12,200,000
154	Trương Thị Hương	1,220	12,200,000		1,220	12,200,000
155	Nguyễn văn Thức	1,220	12,200,000		1,220	12,200,000
156	Lương Đức Linh	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
157	Phùng Thị Hà	27,520	275,200,000		27,520	275,200,000
158	Cao Văn Thế	14,500	145,000,000		14,500	145,000,000
159	Vũ Quang Vinh	16,000	160,000,000		16,000	160,000,000
160	Ngô Vi Thành	8,300	83,000,000		8,300	83,000,000
161	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	5,000	50,000,000		5,000	50,000,000
162	Nguyễn Đức Thịnh	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
163	Nguyễn Thị Thùy Ngân	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
164	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12,100	121,000,000		12,100	121,000,000
165	Vũ Thị Thu Huyền	2,800	28,000,000		2,800	28,000,000
166	Đỗ Tuấn Dương	2,800	28,000,000		2,800	28,000,000
167	Lê Thị Hòa	15,200	152,000,000		15,200	152,000,000
168	Huỳnh Tuấn Long	2,130	21,300,000		2,130	21,300,000
169	Nguyễn Khắc Hải	5,200	52,000,000		5,200	52,000,000
170	Nguyễn Vĩnh Thọ	3,700	37,000,000		3,700	37,000,000
171	Nguyễn Viết Liêm	2,830	28,300,000		2,830	28,300,000
172	Đặng Ngọc Dương	2,600	26,000,000		2,600	26,000,000
173	Tạ Huy Bình	2,400	24,000,000		2,400	24,000,000
174	Nguyễn Kim Tuấn	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
175	Đinh Thị Ngân	1,700	17,000,000		1,700	17,000,000
176	Đỗ Tuấn Quỳnh	3,700	37,000,000		3,700	37,000,000
177	Nguyễn Cảnh Phong	1,700	17,000,000		1,700	17,000,000
178	Ngô Gia Tĩnh	2,400	24,000,000		2,400	24,000,000
179	Phạm Mạnh Hùng	400	4,000,000		400	4,000,000
180	Nguyễn Trung Kiên	730	7,300,000		730	7,300,000
181	Phạm Xuân Phương	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000

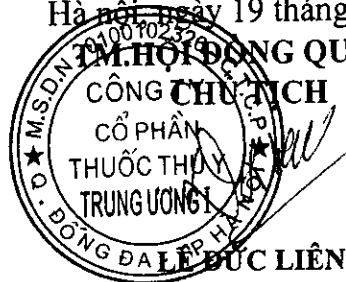
182	Đặng Thị Sen	3,400	34,000,000		3,400	34,000,000
183	Vũ Đình Minh	10,020	100,200,000		10,020	100,200,000
184	Công ty Cổ phần vật tư Nông nghiệp Phấn Văn	61,000	610,000,000		61,000	610,000,000
185	Hoàng Văn Tiến	49,620	496,200,000		49,620	496,200,000
186	Hoàng Ngọc Minh Phương	18,560	185,600,000		18,560	185,600,000
187	Vũ Hoàng Dương	18,800	188,000,000		18,800	188,000,000
188	Nguyễn Đình Thái	40,000	400,000,000	40,000	80,000	800,000,000
189	Trần Thị Thu Huyền	400	4,000,000		400	4,000,000
190	Lê Thị Lan	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
191	Lê Hữu Tuấn	20,000	200,000,000		20,000	200,000,000
192	Nguyễn Thị Hiền Thảo	12,000	120,000,000		12,000	120,000,000
193	Nguyễn Thị Hoài Dung	12,000	120,000,000		12,000	120,000,000
194	Trần Thị Lý	12,000	120,000,000		12,000	120,000,000
195	Đào Thị Minh Thư	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
196	Nguyễn Đình Thìn	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
197	Hoàng Bùi Tiến	3,000	30,000,000		3,000	30,000,000
198	Trần Thị Điệp	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
199	Lưu Thị Thuý Hiền	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
200	Nguyễn Thị Hậu	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
201	Đặng Văn Oánh	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
202	Phan Ngọc Tường	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
203	Trần Thị Thuận	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
204	Nguyễn Thị Phương Hoa	5,450	54,500,000		5,450	54,500,000
205	Mai Thị Thuý	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
206	Nguyễn Ngọc Ánh	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
207	Lê Thị Hải	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
208	Đinh Huy Bách	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
209	Phạm Văn Khâm	3,000	30,000,000		3,000	30,000,000
210	Nguyễn Thị Thuý	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
211	Triệu Thị Thu Chúc	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
212	Vương Thị Vinh	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000

213	Nguyễn Thị Loan	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
214	Nguyễn Hữu Định	16,000	160,000,000		16,000	160,000,000
215	Lâm Thành Nghĩa	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
216	Nguyễn Thị Thực	1,000	10,000,000		1,000	10,000,000
217	Võ Bá Do	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
218	Thái Doãn Bình	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
219	Thái Duy Phúc	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
220	Võ Thị Thu Thủy	2,800	28,000,000		2,800	28,000,000
221	Trần Tiến Tùng	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
222	Vũ Thị Mưa	13,000	130,000,000		13,000	130,000,000
223	Vũ Nguyên Ngọc	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
224	Dương Thị Hoài Thu	20,000	200,000,000		20,000	200,000,000
225	Nguyễn Thị Hồng Minh	12,800	128,000,000		12,800	128,000,000
226	Huỳnh Thị Ngọc Tùng	3,000	30,000,000		3,000	30,000,000
227	Lê Trung Ánh	1,000	10,000,000		1,000	10,000,000
228	Nguyễn Tuấn Hải	1,500	15,000,000		1,500	15,000,000
229	Mai Hải Nam	6,120	61,200,000		6,120	61,200,000
230	Hoàng Thị Mai	3,000	30,000,000		3,000	30,000,000
231	Bùi Thị Luyến	1,200	12,000,000		1,200	12,000,000
232	Cao Thị Thuý Nhị	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
233	Cao Trung Thành	5,000	50,000,000		5,000	50,000,000
234	Nguyễn Thị Hải An	14,000	140,000,000		14,000	140,000,000
235	Nguyễn Hương Giang	2,500	25,000,000		2,500	25,000,000
236	Nguyễn Hồng Dương	12,820	128,200,000		12,820	128,200,000
237	Vũ Thị Bắc	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
238	Nguyễn Viết Không	30,000	300,000,000		30,000	300,000,000
239	Thái Thị Mai Phương	3,800	38,000,000		3,800	38,000,000
240	Nguyễn Thị Hải Huyền	13,000	130,000,000		13,000	130,000,000
241	Nguyễn Ngọc Nghiêm	50,000	500,000,000		50,000	500,000,000
242	Vũ Văn Minh	1,130	11,300,000		1,130	11,300,000
243	Lê Thị Tâm	7,600	76,000,000		7,600	76,000,000

244	Lê Ngọc Ninh	14,000	140,000,000		14,000	140,000,000
245	Nguyễn Thị Hiệt	90,000	900,000,000		90,000	900,000,000
246	Mai Văn Sánh	30,000	300,000,000		30,000	300,000,000
247	Vũ xuân Chiến	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
248	Vũ Duy Phúc	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
249	Trần Thị Thuỷ Vân	15,000	150,000,000		15,000	150,000,000
250	Hồ Ngọc Liêm	13,000	130,000,000		13,000	130,000,000
251	Cao Văn Thành	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
252	Phùng Việt Nam	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
253	Lê Tuấn Hùng	150,000	1,500,000,000		150,000	1,500,000,000
254	Hoàng Ngọc Minh Anh	18,000	180,000,000		18,000	180,000,000
255	Lý Hồng Thanh	8,000	80,000,000		8,000	80,000,000
256	Đinh Thị Thu	7,000	70,000,000		7,000	70,000,000
257	Nguyễn Thị Tùng	20,000	200,000,000		20,000	200,000,000
258	Đỗ Hoàng Giang	1,000	10,000,000		1,000	10,000,000
259	Đỗ Thu Hằng	5,000	50,000,000		5,000	50,000,000
260	Vũ Thanh Sơn	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
261	Ngô Xuân Hà	4,000	40,000,000		4,000	40,000,000
262	Ngô Thị Hoa Trang	15,000	150,000,000		15,000	150,000,000
263	Phan Văn Tuấn	6,000	60,000,000		6,000	60,000,000
264	Phan Văn Dũng	6,640	66,400,000		6,640	66,400,000
265	Đỗ Hà My	17,100	171,000,000		17,100	171,000,000
266	Dương Quang Thắng	14,000	140,000,000	6,000	20,000	200,000,000
267	Tô Thị Hằng	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
268	Võ Thị Dung Hà	1,800	18,000,000		1,800	18,000,000
269	Nguyễn Thị Thu Trang	14,280	142,800,000		14,280	142,800,000
270	Phạm Thị Hương Trang	2,000	20,000,000		2,000	20,000,000
271	Nguyễn Đức Tặng	10,000	100,000,000		10,000	100,000,000
272	Ngô Mạnh Khải	930	9,300,000		930	9,300,000
273	Đặng hoàng Long		0	10,000	10,000	100,000,000
274	Vũ Anh Tuấn		0	9,000	9,000	90,000,000

275	Trần Quốc Trung		0	10,000	10,000	100,000,000
276	Nguyễn Ngọc Bảo		0	10,000	10,000	100,000,000
277	Phạm Quốc Hưng		0	30,000	30,000	300,000,000
	Tổng Cộng:	6,600,000	66,000,000,000	1,669,960	6,600,000	66,000,000,000

Hà Nội ngày 19 tháng 04 năm 2013



Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2013

Kính thưa Chủ tịch Đoàn;

Kính thưa các quý vị Cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Chủ tịch đoàn Đại hội thường niên năm 2012, tôi xin trình Đại hội báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và Bộ máy điều hành năm 2012 với những nội dung cơ bản sau đây:

I. Những khó khăn và thuận lợi:

1. Thuận lợi:

- Do được làm quen và được thử thách những khó khăn về mặt tài chính của Công ty từ năm 2011 nên bước sang năm 2012 tình hình tài chính của Công ty vẫn khó khăn và có lúc gay gắt và phức tạp, nhưng tình hình của Công ty vẫn ổn định. Mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường.
- Hệ thống khách hàng trên cả nước đã hiểu được những khó khăn về tài chính của Công ty nhưng vẫn yên tâm giành cho Công ty những đóng góp có hiệu quả trong việc khắc phục những khó khăn và những thành công của Công ty năm 2012.

2. Khó khăn:

- Có nhiều giải pháp về vốn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của HĐQT đưa ra năm 2012 chưa thực hiện được. Vốn cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty vẫn thiếu, làm ảnh hưởng nhiều đến kết quả doanh thu và lợi nhuận.
- Tình hình chăn nuôi trên cả nước gặp nhiều khó khăn, thiếu vốn, giá thức ăn tăng cao, chăn nuôi thua lỗ. Sản phẩm gia súc, gia cầm nhập ngoại về tiêu thụ trong nước bằng nhiều con đường đã là nguyên nhân trực tiếp gây khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung và Công ty CP thuốc thú y TW I nói riêng.
- Nguồn nhân sự có chuyên môn và chất lượng cao đáp ứng sự đòi hỏi đầy đủ và nghiêm túc cho những sản phẩm do Công ty nhập khẩu và kinh doanh chưa đáp



ứng kịp thời (*thiếu cả về số lượng và chất lượng*) làm ảnh hưởng đến kết quả về doanh thu và lợi nhuận.

II. Đánh giá những kết quả đạt được của Hội đồng quản trị năm 2012.

1. Việc thực hiện các chỉ tiêu

Năm 2012 đánh dấu thành công của VINAVETCO khi vượt qua vô vàn khó khăn của kinh tế vĩ mô nói chung và những khó khăn của ngành sản xuất thuốc thú y nói riêng để phấn đấu hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 đề ra.

STT	Các chỉ tiêu	Chỉ tiêu được giao	Chỉ tiêu thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)
1	Doanh thu	196.000.000.000	198.828.107.208	101
2	Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế	22.640.000.000	22.750.000.000	100,5
3	Thu nhập BQ của người LĐ/tháng	9,5%/tổng doanh thu	7.875.000 đồng	100%
4	Tạm ứng cổ tức	10 tỷ	Chưa thực hiện chi	

Ghi chú:

- Doanh thu 196 tỷ (hàng sản xuất 116 tỷ, hàng nhập khẩu 80 tỷ).
- Lợi nhuận trước thuế: (hàng sản xuất: 14%. Hàng nhập khẩu: 8%)

2. Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông

- HĐQT đoàn kết và ổn định, có nhiều quyết định đúng, có tác dụng từng bước khắc phục những khó khăn đưa vào hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty vào thế ổn định và phát triển.
- HĐQT đã đánh giá đúng và trình ĐHCĐ năm 2012 đưa chỉ tiêu những sản phẩm nhập khẩu và kinh doanh của Công ty thành chỉ tiêu doanh thu kế hoạch (*là chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT và bộ máy điều hành*). Thực tế thực hiện năm 2012 những sản phẩm Công ty nhập khẩu và kinh doanh đạt trên 90 tỷ vượt 12,5 % kế hoạch.
- HĐQT đã nghị quyết và chỉ đạo chuyển mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh tại cơ sở 88, Trường Chinh về nhà máy sản xuất thuốc thú y tại Tân Quang - Văn Lâm - Hưng Yên đã giảm được nhiều chi phí trong sản xuất và phát huy được nguồn vốn đầu tư của dự án nhà máy sản xuất thuốc.

- HĐQT đã từng bước triển khai cho Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên hạch toán độc lập. Các công việc triển khai cụ thể như sau:
 - Chuyển toàn bộ sản xuất về Nhà máy, thời điểm kết thúc cuối cùng là vào tháng 9 năm 2012.
 - Hình thành cơ cấu bộ máy và nhân sự kèm theo cho Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên.
 - Chuyển một phần nguồn vốn 50 tỷ đồng của dự án xây dựng Nhà máy Tân Quang do Công ty CP thuốc thú y TW I là chủ đầu tư thành tài sản của Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên.
 - HĐQT đã hoàn tất mọi thủ tục để dự án xây dựng Nhà máy thuốc thú y tại Tân Quang - Văn Lâm - Hưng Yên được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư. **Kết quả Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên đã được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại công văn số 613-/CT-TTHT ngày 29/03/2013 của Tỉnh Hưng Yên.**
- HĐQT đã triển khai công tác đền bù và giải phóng mặt bằng tại 88, Trường Chinh - Hà Nội theo mọi quy định của Nhà nước. Tiến độ công việc triển khai, đền bù và giải phóng mặt bằng đã ở giai đoạn kết thúc (*khi có kết quả cụ thể HĐQT có trách nhiệm báo cáo với cổ đông*).
- HĐQT đã chỉ đạo chi cho cổ đông 02 khoản cổ tức.
 - Chi cổ tức 10% của năm 2010 = 9.380.000.000 đồng.
 - Chi cổ tức 8% của năm 2011 = 5.280.000.000 đồng.

Hai khoản cổ tức trên đã được quyết định chi từ những năm trước, vì tình hình tài chính của Công ty lúc đó quá khó khăn không thực hiện chi được và **được thực hiện chi trong năm 2012**

- HĐQT đã thận trọng và kiên trì tìm hiểu dự án liên doanh xây dựng nhà máy sản xuất vắc xin tại Việt Nam với Công ty KIOTO BIKEN Nhật Bản. HĐQT đã quyết định góp vốn đầu tư vào dự án với số tiền 2.919.700.000 đồng và giao cho Chủ tịch HĐQT triển khai đề án.

3. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT

- Năm 2012 các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động và có những đóng góp tích cực cho công tác quản lý doanh nghiệp của HĐQT.
- Trong lĩnh vực tài chính có những thành viên HĐQT đã hiểu và đặt sự tin tưởng của mình vào mọi hoạt động của Công ty, nên đã huy động một lượng vốn không nhỏ (*huy động vốn*) góp cho Công ty, giúp cho Công ty có thêm nguồn vốn để bảo đảm cho mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường.

- Trong lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật nhất là chuyên môn kỹ thuật ở trình độ cao như vắc xin và chế phẩm sinh học, những thành viên HĐQT có đủ trình độ chuyên môn trên và bằng uy tín của mình đã thông qua hệ thống truyền hình quốc gia tuyên truyền quảng bá những sản phẩm do Công ty nhập khẩu như vắc xin Tai Xanh, vắc xin Cúm gia cầm H5N1 chủng Re-6. Việc quảng bá trên đã góp phần nâng cao doanh thu và uy tín của Công ty trên thị trường.
- Chủ tịch HĐQT đã kết hợp chặt chẽ giữa chức năng quản trị doanh nghiệp và điều hành doanh nghiệp thành một sự chỉ đạo xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

4. Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát

* Thù lao của HĐQT

- Thù lao thực tế quyết toán = 596.485.084 đồng
- Thù lao tạm ứng đến trước Đại hội = 520.014.456 đồng
- Thù lao còn lại = 76.470.628 đồng

* Thù lao Ban kiểm soát

- Thù lao thực tế quyết toán = 139.179.853 đồng
- Thù lao tạm ứng đến trước Đại hội = 114.251.821 đồng
- Thù lao còn lại = 24.928.032 đồng

III. Những tồn tại của HĐQT

- HĐQT chưa thường xuyên họp theo quy định của Điều lệ;
- Có những nguyên nhân thật sự khách quan như khó khăn chung của nền kinh tế đất nước và việc đền bù, giải phóng mặt bằng tại mặt tiền 88, Trường Chinh - Đống Đa - Hà Nội đang triển khai nên dự án 88, Trường Chinh năm 2012 HĐQT chưa triển khai được.
- HĐQT chưa thực hiện được việc chi cổ tức của năm 2012 (10 tỷ đồng) vì những nguyên nhân sau:
 - Nguồn tài chính của Công ty năm 2012 đã tập trung thực hiện chi những khoản cổ tức (10% của năm 2010 và 8% của năm 2011).
 - Cân đối ưu tiên nguồn tài chính còn lại để phục vụ cho sản xuất và kinh doanh (nếu quyết định thực hiện chi 10 tỷ cổ tức năm 2012 thì rất khó khăn cho nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh).
 - Việc chưa thực hiện chi cổ tức năm 2012 cho cổ đông xuất phát từ những căn cứ trên và sự bảo đảm đủ vốn phục vụ cho SXKD để giúp cho Công ty ổn định và phát triển. HĐQT hy vọng nhận được sự đồng thuận và ủng hộ của cổ đông về các vấn đề mà HĐQT đã quyết định ở trên.

IV. Đánh giá kết quả hoạt động của bộ máy điều hành

1. Những kết quả đạt được về kinh doanh

TT	ĐƠN VỊ	DOANH THU (đồng)	HÀNG SẢN XUẤT (đồng)	HÀNG NHẬP KHẨU (đồng)
1	Văn phòng Công ty	145.909.926.131	100.188.903.964	45.721.022.175
2	Chi nhánh TP HCM	46.641.899.733	3.919.064.432	42.722.593.031
3	Chi nhánh Đà Nẵng	6.276.535.336	4.338.653.336	1.937.870.000
TỔNG SỐ		198.828.107.208	108.446.621.732	90.381.485.476

Kết quả kinh doanh đạt được với những số liệu báo cáo trên là những cố gắng của bộ máy điều hành của toàn bộ CBCNV của Công ty CP thuốc thú y TW I và của Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên trong năm 2012.

- Năm 2012 là năm Công ty đã nỗ lực thu hồi công nợ một cách triệt để góp phần đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD (*tỷ lệ dư nợ của khách hàng ở mức thấp nhất so với các năm - không có nợ xấu*).
- Kết thúc năm 2012 tỷ lệ hàng tồn kho ở tại nhà máy Tân Quang và hai chi nhánh đạt ở mức thấp nhất (*số lượng tồn bảo đảm để bán theo nhu cầu thị trường*).
- Giải quyết các chế độ bán hàng cho khách hàng theo đúng văn bản của Giám đốc quy định từ tháng 1 năm 2012. **Phần lớn khách hàng phấn khởi và đặt niềm tin đối với Công ty.**

2. Công tác ổn định tổ chức, sản xuất và kinh doanh.

- Công ty đã chuyển toàn bộ mọi hoạt động sản xuất về nhà máy Tân Quang tại thời điểm tháng 9 năm 2012. Sau một thời gian ngắn tình hình SXKD cơ bản đã đi vào ổn định. Sản xuất đã đảm bảo đủ hàng để kinh doanh bán ra theo nhu cầu của thị trường.
- Tách phòng TT & BH Công ty CP thuốc thú y TW I thành hai phòng TT & BH.
 - Phòng TT & BH của Công ty CP thuốc thú y TW I tại 88, Trường Chinh có nhiệm vụ chính **tiêu thụ toàn bộ những sản phẩm do Công ty nhập khẩu và kinh doanh.**
 - Phòng TT & BH Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên có nhiệm vụ chính là **tiêu thụ toàn bộ những sản phẩm thuốc thú y và thuốc thú y thủy sản do nhà máy Tân Quang sản xuất ra.**

3. Công tác nghiên cứu sản phẩm và phát triển thị trường

- Năm 2012 Công ty đã chú trọng mở rộng thị trường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Vắc xin Tai Xanh đã khẳng định được chỗ đứng vững vàng trên thị trường không chỉ dùng để dập dịch mà đã có một lượng không nhỏ vắc xin Tai Xanh được đưa trực tiếp vào các cơ sở chăn nuôi lớn để tiêm phòng trên cả ba vùng Bắc - Trung - Nam và cả tập đoàn C.P Việt Nam.
- Bắt đầu từ Quý III năm 2012 và đầu Quý I năm 2013 Công ty đã nghiên cứu, kiểm nghiệm và khảo nghiệm trên diện rộng hai loại vắc xin Cúm gia cầm H5N1 chủng Re-1 và Re-6. Kết quả kiểm nghiệm và khảo nghiệm bảo đảm vắc xin Cúm gia cầm H5N1 chủng Re-1 và Re-6 có chất lượng tốt. Công ty đã nhập khẩu và tiêu thụ trên cả nước trên 50 triệu liều và làm dự trữ cho Cục thú y Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn 25 triệu liều H5N1 chủng Re-6.
- Công ty nghiên cứu và nhập khẩu thí điểm giống tôm thẻ chân trắng về nuôi thương mại tại Đồ Sơn - Hải Phòng, bước đầu đã có kết quả tốt, đã tích lũy được những kinh nghiệm hiểu biết về con giống, xử lý nguồn nước, thức ăn và quy trình phòng chống dịch bệnh để có thể triển khai nuôi tôm các vụ sau.
- Công ty đã nghiên cứu và nhập khẩu hai sản phẩm về thuốc thú y thủy sản Chlorin viên sủi và ATM. Hai sản phẩm trên đã được thị trường chấp nhận.

4. Công tác củng cố chi nhánh.

- Công ty đã tập trung củng cố Chi nhánh TP Hồ Chí Minh với mục tiêu sau văn phòng Công ty là Chi nhánh TP Hồ Chí Minh là nơi có hoạt động kinh doanh có doanh thu và lợi nhuận đứng thứ hai Công ty:
 - Thành lập Chi bộ chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
 - Tăng cường nhân sự có chuyên môn cho công tác TT & BH trong chi nhánh.
 - Củng cố và xây dựng mới kho tàng đặc biệt là hệ thống kho bảo quản các loại vắc xin theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Kết quả doanh thu của Chi nhánh TP Hồ Chí Minh năm 2012 đạt 46.641.899.733 đồng.

5. Những tồn tại của bộ máy điều hành

- Năm 2012 tuy thu nhập bình quân của người lao động có tăng lên so với năm 2011 và số tháng công ty nợ lương có ít đi nhưng việc nợ lương CBCNV vẫn còn xảy ra đó là hạn chế lớn nhất của công tác điều hành năm 2012.
- Chỉ tiêu hàng sản xuất chưa đạt so với kế hoạch của HĐQT giao cho. Cụ thể như sau:
 - Chỉ tiêu giao: = 116.000.000.000 đồng;

- Chi tiêu đạt: = 108.446.621.732 đồng đạt kế hoạch 93,5%

Nguyên nhân dẫn đến chỉ tiêu hàng sản xuất không đạt:

- Tại văn phòng Công ty:

+ Do ảnh hưởng của công tác bàn giao sau khi tách phòng TT & BH làm hai.

+ Nhiệm vụ tiêu thụ hàng sản xuất của nhà máy được giao cho Phòng TT & BH Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên bước đầu triển khai thực hiện nhiệm vụ có sự xáo trộn về mặt nhân sự làm TT & BH, lực lượng có trình độ chuyên môn yếu dẫn đến doanh số từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2012 giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Một số Đại lý, đặc biệt là những Đại lý có doanh số lớn có những điểm dừng từ tháng 9 đến tháng 12 để chờ đợi sự ổn định công tác bán hàng của Công ty.

Cả ba nguyên nhân trên đều là nguyên nhân trực tiếp làm cho doanh số hàng sản xuất những tháng cuối năm 2012 giảm

- Tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Nguồn nhân sự và phương tiện phục vụ cho SXKD của Chi nhánh được thu hút phần lớn vào mảng kinh doanh vắc xin, chế phẩm sinh học vì vậy nguồn nhân sự và phương tiện phục vụ cho mảng kinh doanh hàng sản xuất bị thiếu hụt rất lớn. Kết quả kinh doanh hàng sản xuất của Chi nhánh TP HCM không đạt chỉ tiêu.

- Tại Chi nhánh Đà Nẵng:

Do đ/c Giám đốc Chi nhánh được Công ty điều động về văn phòng Công ty đảm nhận thêm nhiệm vụ Phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm vì vậy việc tập trung thời gian, sức lực cho việc quản lý và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Đà Nẵng bị chi phối đáng kể. Nhân sự làm công tác TT & BH chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường Miền Trung tại thời điểm năm 2012 cả về số lượng và chất lượng.

Nguyên nhân trên làm cho doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng nói chung và doanh số hàng sản xuất nói riêng giảm so với những năm trước đây.

**** Chỉ tiêu hàng sản xuất không đạt so với kế hoạch được giao trách nhiệm thuộc về Ban Giám đốc, Ông Trưởng Phòng TT & BH Công ty CP thuốc thú y TW I, ông Giám đốc Chi nhánh TP HCM và ông Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng.***

Kính thưa Đại hội

Năm 2012 là năm có nhiều khó khăn và phức tạp của nền kinh tế đất nước - hàng loạt Công ty bị phá sản - nhiều tập đoàn, nhiều công ty làm ăn bị thua lỗ và nhiều doanh nghiệp có 3 năm liền không trả được cổ tức. Trong hoàn cảnh khó khăn trên Công ty CP thuốc thú y TW I chấp nhận và vượt qua mọi khó khăn để phấn đấu thực hiện tốt chỉ tiêu và nghị quyết Đại hội cổ đông. Kết quả đạt được là cơ bản, và có

những tồn tại đã xảy ra đó là điều không tránh khỏi trong quá trình vận động đi lên, trong hoàn cảnh thực tế của đất nước và hoàn cảnh riêng biệt của Công ty. Với tất cả những suy nghĩ và đánh giá trên cùng với sự mong muốn chân thành Công ty luôn tồn tại và phát triển của HĐQT trước trọng trách được giao. **HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thảo luận và nghị quyết năm 2012 HĐQT Công ty CP thuốc thú y TW I hoàn thành nhiệm vụ**

V. Phương hướng thực hiện năm 2013

1. Giao chỉ tiêu doanh thu (VND)

- Chỉ tiêu hàng do Công ty sản xuất : 128 tỷ
- Chỉ tiêu hàng nhập khẩu: 90 tỷ.

Tổng doanh thu năm 2013: 218 tỷ

2. Lợi nhuận trước thuế:

- Hàng do Công ty sản xuất: 14%/doanh thu, hàng nhập khẩu: 8%/doanh thu.
Tổng lợi nhuận năm 2013 = 25.120.000.000 (Giao tròn **25 tỷ đồng**).
- Hai chỉ tiêu doanh thu hàng sản xuất (128 tỷ đồng) và chỉ tiêu doanh thu hàng nhập khẩu (90 tỷ đồng). Trong quá trình tổ chức thực hiện phụ thuộc nhiều vào tình hình chăn nuôi và tình hình trên cả nước vì vậy hai chỉ tiêu trên sẽ có biến động (*cao hơn hoặc thấp hơn*). Đề nghị Đại hội thảo luận và có một quy định xem xét sự cao thấp của hai chỉ tiêu trên một cách linh hoạt. HĐQT đề xuất được phép cao hơn 10% và thấp hơn không quá 10%, kết quả cuối cùng không được thấp hơn 218 tỷ đồng (*tổng doanh thu*).

3. Cổ tức

- Thực hiện chi cổ tức tạm ứng năm 2012 = 10 tỷ đồng (*chi trước 30/06/2013 = 5 tỷ đồng và trước 30/12/2013 = 5 tỷ đồng*).
- Tạm ứng cổ tức năm 2013 = 10 tỷ đồng (*thời gian thực hiện chi HĐQT có trách nhiệm trình với Đại hội khi tài chính của Công ty thực hiện được việc chi trên*)

4. Chỉ tiêu tổng quỹ lương

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 HĐQT trình Đại hội thảo luận và nghị quyết (*quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 không vượt quá 9,5%/doanh thu*).

VI. Các biện pháp thực hiện

1. Phân bổ chỉ tiêu doanh thu cho các đơn vị

- Hàng do nhà máy sản xuất
 - Giao cho Công ty TNHH thuốc thú y TW I Hưng Yên = 102 tỷ đồng.
 - Giao cho Chi nhánh Đà Nẵng = 08 tỷ đồng.

- Giao cho Chi nhánh TP HCM = 08 tỷ đồng.
 - Giao cho Công ty CP thuốc thú y TW I = 12 tỷ đồng
- (Hàng do Nhà máy sản xuất được Công ty bán theo các dự án mời thầu)*

- Hàng do Công ty nhập khẩu :

Do Công ty quản lý và tổ chức thực hiện, phương thức tổ chức thực hiện vẫn như năm 2012. Năm 2013 BGĐ Công ty yêu cầu các đơn vị được giao chỉ tiêu hàng sản xuất nói trên tổ chức tuyên truyền quảng bá tiêu thụ các sản phẩm do Công ty nhập khẩu vào các trang trại và các cơ sở chăn nuôi lớn.

2. Công tác nghiên cứu sản phẩm và phát triển thị trường

- Kiểm nghiệm, khảo nghiệm và nhập khẩu đưa ra thị trường tiêu thụ các sản phẩm sau:
 - Vắc xin cầu trùng.
 - Các chế phẩm về ký sinh trùng và thủy sản *(nhiệm vụ này giao cho văn phòng Công ty tổ chức thực hiện)*.
- Nghiên cứu và đăng ký sản xuất và tiêu thụ 3 - 5 sản phẩm thuốc thú y do nhà máy sản xuất *(nhiệm vụ này giao cho phòng nghiên cứu phát triển sản phẩm cùng nhà máy sản xuất thuốc thú y Tân Quang tổ chức thực hiện)*.

3. Công tác nhân sự

- Tuyển dụng và đào tạo từ 10 – 15 cán bộ có trình độ chuyên môn cao bổ sung cho hai phòng TT & BH và hai chi nhánh.
- Đề nghị HĐQT xem xét và bổ nhiệm các trường đơn vị hiện nay đang là phó phòng phụ trách để các đơn vị phát huy hết khả năng của mình để thực hiện được nhiệm vụ được giao *(nhiệm vụ này giao cho Phòng TCHC Công ty thực hiện)*

4. Công tác củng cố chi nhánh

- Ổn định và củng cố chi nhánh Đà Nẵng từ cán bộ quản lý đến nhân sự làm TT & BH để đủ sức thực hiện nhiệm vụ được giao từ năm 2013-2015.
- Đảm bảo cơ sở vật chất cho chi nhánh Đà Nẵng phục vụ việc kinh doanh và phát triển lâu dài tại Miền Trung. Đặc biệt là cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu bảo quản nghiêm ngặt và kỹ thuật cao của những sản phẩm do Công ty nhập khẩu .
- Từ những kế hoạch trên đề nghị HĐQT và Đại hội cho khởi công xây dựng văn phòng làm việc của Chi nhánh Đà Nẵng *(vấn đề này đã được các Đại hội trước nghị quyết)*.

5. Công tác tài chính kế toán

Ban Giám đốc và Phòng TCKT cân đối tài chính thực hiện các khoản chi về cổ tức đã được Đại hội quyết định. Quyết toán các khoản nợ lương của công nhân và cán bộ của những tháng trước, cố gắng từ 30 tháng 06 năm 2013 và những tháng sau không nợ lương công nhân và cán bộ (đây là chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán)

Trên đây là những nội dung của báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và bộ máy điều hành năm 2012 trình Đại hội cổ đông năm 2013. HĐQT trân trọng đề nghị các Quý vị cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến của mình cho những hoạt động của HĐQT và ban điều hành với mong muốn giúp cho hoạt động của HĐQT và bộ máy điều hành hoạt động trong năm 2013 có kết quả cao hơn giúp cho Công ty tồn tại và phát triển. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp, chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe, thành đạt và hạnh phúc trong cuộc sống

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THUỐC THUY
TRUNG ƯƠNG
ĐỒNG ĐÀ, TP. HÀ NỘI
LÊ ĐỨC LIÊN

BÁO CÁO CÔNG KHAI

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2012

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TWI

(Đã điều chỉnh số liệu theo nghị quyết ĐHCĐ 2012)

Người trình bày: Bà Nguyễn Thị Phượng UV hội đồng quản trị - Kế toán trưởng

I, Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN 31/12/2012	GHI CHÚ
I. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	<u>130,593,432,854</u>	
1. Tiền:	19,293,225,589	
+ Tiền mặt tồn quỹ	9,390,754,980	
+ Tiền gửi ngân hàng	9,902,470,609	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	858,960,000	
3. Các khoản phải thu	31,472,698,892	
4. Hàng tồn kho	67,800,355,234	
- Giá trị vật tư tồn kho	5,029,105,101	
- Công cụ dụng cụ	1,519,633,478	
- Chi phí dở dang	596,156,593	
- Thành phẩm tồn kho	6,754,986,980	
- Hàng hoá nguyên liệu tồn kho	52,891,582,258	
- Hàng gửi đi bán	1,008,890,824	
5. Tài sản ngắn hạn khác	11,168,193,139	
- Thuế GTGT được khấu trừ	503,770,159	
- Tài sản lưu động khác	10,664,422,980	
II. TSCĐ và đầu tư dài hạn	<u>154,363,071,770</u>	
1. Tài sản cố định	7,571,236,087	
a. Nguyên giá TSCĐ	17,493,834,966	
b. Giá trị hao mòn lũy kế	-9,922,598,879	
2. Chi phí XDCB dở dang	145,853,717,727	
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	866,640,000	
4. Tài sản dài hạn khác	71,477,956	
III. Nợ thực tế phải trả	<u>201,562,644,710</u>	
Vay ngân hàng	48,085,740,440.00	
Vay huy động	52,907,055,400.00	
Vay ngân hàng trung dài hạn	22,639,602,980.00	
Vay khách hàng	42,044,932,459.00	
Người mua ứng trước tiền hàng	9,279,933,239.00	
Chi phí phải trả	2,401,108,942.00	
Phải trả CBCNV	2,976,488,274.00	
Thuế và các khoản nộp ngân sách	9,571,183,370.00	



Các khoản phải trả khác	11,656,599,606.00	
IV. Nguồn vốn - Quỹ	83,393,859,914.00	
Nguồn vốn kinh doanh		
Vốn cổ phần	66,000,000,000	
Vốn nhà nước + dự trữ nhà nước	278,962,752	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Quỹ PTSX	3,984,660,233	
Quỹ dự phòng	199,988,748	
Quỹ phúc lợi	317,779,277	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12,612,468,904	
V. Các quỹ		
a. Quỹ đầu tư và phát triển		
Số dư đầu kỳ	1,741,365,028	
Số trích trong kỳ	2,243,295,205	
Số chi trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	3,984,660,233	
b. Quỹ dự phòng tài chính		
Số dư đầu kỳ	218,108,446	
Số trích trong kỳ	788,279,307	
Số chi trong kỳ	806,399,005	
Số dư cuối kỳ	199,988,748	
c. Quỹ khen thưởng +phúc lợi		
Số dư đầu kỳ	-338,910,253	
Số trích trong kỳ	1,576,558,613	
Số chi trong kỳ	919,869,083	
Số dư cuối kỳ	317,779,277	
VI. Kết quả kinh doanh.		
1. Tổng doanh thu	253,121,821,465	
Trong đó doanh thu nội bộ:		
2. Các khoản giảm trừ:	634,421,992	
a, Chiết khấu bán hàng:	71,228,881	
b, Hàng bán trả lại:	563,193,111	
3. Doanh thu thuần:	252,487,399,473	
4. Giá vốn hàng bán	192,353,986,678	
5. Lợi nhuận gộp	60,133,412,795	
6. Chi phí bán hàng	22,598,955,512	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,207,774,157	
8. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD:	15,326,683,126	
a. Thu nhập hoạt động tài chính	10,861,089,569	
b. Chi phí hoạt động tài chính	4,261,905,170	
9. Lợi nhuận hoạt động tài chính	6,599,184,399	
a. Các khoản thu nhập bất thường	825,000,579	
10. Lợi tức bất thường	825,000,579	
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	22,750,868,104	

0102326-
CÔNG TY
CỔ PHẦN
JỐC THÚ
NGƯỜI
3 ĐÀ - TP

12. Thuế thu nhập phải nộp:	3,868,947,153	
13. Lợi nhuận sau thuế:	18,881,920,951	
VII. Nộp ngân sách nhà nước:		
a, Các khoản thuế phải nộp trong kỳ		
b, Các khoản thuế đã nộp trong kỳ	3,414,674,626	
VIII. Các khoản nộp BHXH, YT, Kinh phí công đoàn		
a, Các khoản phải nộp trong kỳ	1,580,352,842	
b, Các khoản đã nộp trong kỳ	1,701,687,354	
IX. Lao động		
1, tổng số lao động bình quân	180	
X. Thu nhập		
a, Tổng quỹ lương:	18,614,723,033	
b, Tiền lương bình quân:	7,756,135	
c, Thu nhập bình quân	8,139,413	

II, CHI TIẾT CHI ĐẦU TƯ XÂY NHÀ MÁY TẠI TÂN QUANG

DIỄN GIẢI	SỐ ĐÃ THANH TOÁN ĐẾN 31/12/ 2011	SỐ ĐÃ THANH TOÁN TRONG NĂM	SỐ ĐÃ THANH TOÁN ĐẾN 31/12/2012
- Cơ sở hạ tầng	1,651,243,393		1,651,243,393
- Tiền san nền+tường rào	1,498,629,999		1,498,629,999
- Tiền Thiết kế	2,777,414,784		2,777,414,784
- Lãi vốn góp xây dựng	36,617,490,516	14,625,129,068	51,242,619,584
- Tiền thuê đất	833,124,000		833,124,000
- Chi phí khác	3,553,424,029	291,459,978	3,844,884,007
- xây dựng trạm điện hưng yên	1,290,345,455		1,290,345,455
- Tam ứng tiền theo HĐ tổng thầu	63,079,357,567	9,268,130,971	72,347,488,538
- Trả tiền khung thép Zamin Steel	2,652,071,206	106,826,000	2,758,897,206
- Khảo sát địa chất & giếng khoan khai	267,913,637	19,303,864	287,217,501
- Thẩm định thiết kế	218,583,636		218,583,636
- Chi phí đào tạo+tư vấn GMP	2,776,433,560		2,776,433,560
- Thuế thu nhập nhà thầu	818,458,727		818,458,727
- Máy móc thiết bị KN	3,001,626,062	506,751,275	3,508,377,337
	121,036,116,571	24,817,601,156	145,853,717,727

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2013

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY
TV HDQT KẾ TOÁN TRƯỞNG

THUỐC THỦY
TRUNG ƯƠNG
ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thị Phương



CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TW I

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

===o0o===

Hà nội, ngày 22 tháng 04 năm 2013

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TW I**

Kính thưa: **Đoàn chủ tịch.**

Kính thưa: **Quý vị đại biểu và toàn thể cổ đông Công ty.**

Năm 2012, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chưa thoát khỏi khủng hoảng nhưng được Đảng, Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh thông qua các chính sách chống lạm phát, hạ lãi suất cho doanh nghiệp vay vốn kinh doanh, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ đầu tư, xúc tiến thương mại ...nên các doanh nghiệp có phần bớt khó khăn. Công ty CP thuốc thú y TW I là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cũng không tránh khỏi những khó khăn do đó cũng được thụ hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước.

Thực hiện nhiệm vụ cổ đông giao Ban kiểm soát kính trình và báo cáo đại hội cổ đông các nội dung sau:

I. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012:

1. Thuận lợi:

- Các thành viên HĐQT đều có năng lực trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thuốc thú y.
- Người tiêu dùng đã biết về thương hiệu VINAETCO cũng như các sản phẩm do VINAETCO sản xuất và tiêu thụ trên thị trường.
- Công ty có đội ngũ cán bộ, công nhân nhiệt tình trong công tác, vững vàng trong chuyên môn, luôn mong muốn Công ty phát triển ổn định, bền vững.
- Sản xuất thuốc thú y của Công ty được tổ chức trên dây chuyền thiết bị mới, tiên tiến và hiện đại đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục thú y công nhận là nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

2. Khó khăn:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện: Vốn điều lệ chưa đủ để đầu tư nhà máy, phải vay vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn với lãi suất vay



cao; Sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay; Sản phẩm tồn kho lớn, năm sau cao hơn năm trước; ứng cổ tức cho các cổ đông của năm 2009, 2010 vượt nguồn và chưa thu hồi hết, vì vậy Công ty luôn trong tình trạng thiếu vốn, chưa chi trả cổ tức năm 2012 được cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội.

- Đầu tư nhà máy đã hoàn thành từ năm 2011 chuyển sang tổ chức sản xuất trong năm 2012 nhưng chưa được Đại hội cổ đông phê duyệt quyết toán vốn đầu tư để làm căn cứ tăng tài sản, trích khấu hao thu hồi vốn đầu tư theo quy định.
- Tình hình chăn nuôi trong cả nước không thuận lợi, dịch bệnh diễn biến phức tạp; hàng nhập lậu không kiểm soát được đã gây khó khăn cho người chăn nuôi, ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Kết quả thực hiện các nội dung đại hội năm 2012 đã Nghị quyết:

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội thực hiện kiểm toán theo đúng chế độ qui định.

- **Doanh thu:** Đạt 198,828 tỷ đồng, so với Nghị quyết Đại hội cổ đông bằng 101,44%.

- **Lợi nhuận trước thuế:** Đạt 22,750 tỷ đồng = 11,44%/doanh thu thực hiện, so với Nghị quyết đại hội cổ đông bằng 100,48 %.

- **Lợi nhuận sau thuế:** Đạt 18.881.920.951 đồng.

- **Tổng quỹ lương:** Thực hiện 18.614.723.033 đồng, so với Nghị quyết Đại hội cổ đông đạt 100%.

- **Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát:** được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội, HĐQT đã có báo cáo, BKS nhất trí với báo cáo của HĐQT.

- **Chỉ tiêu về cổ tức:** Đến nay HĐQT chưa thực hiện chia cổ tức năm 2012.

- **Về Dự án liên doanh góp vốn giữa Vinavetco – Tokio Biken Nhật Bản:**

Nghị quyết đại hội giao HĐQT đàm phán có kết quả cụ thể báo cáo cổ đông. HĐQT đã thận trọng tìm hiểu dự án liên doanh xây dựng nhà máy SX vắc xin tại Việt Nam với Công ty **Tokio Biken Nhật Bản**. HĐQT đã quyết định góp vốn đầu tư dự án với số tiền 2.919.700.000 đồng và giao Chủ tịch HĐQT triển khai đề án.

- **Về phát hành cổ phiếu:** Nghị quyết giao HĐQT xây dựng phương án phát hành cổ phiếu với tỷ lệ 50% vốn điều lệ với thời gian thích hợp.

Thực hiện: HĐQT đã quyết định huy động vốn từ cán bộ công nhân Công ty và cổ đông để hoạt động thay cho phát hành cổ phiếu.

- **Khai thác mặt bằng 88 Trường Chinh:** Nghị quyết nhất trí cho thuê với giá 30.000 USD/tháng, có mức thưởng xác định theo % trên doanh thu của hợp đồng thuê. Đến nay chưa thực hiện được vì mặt bằng 88 Trường Chinh đang trong giai đoạn giải toả và đền bù. Đề nghị ĐH tiếp tục giao cho HĐQT tìm khách thuê để khai thác mặt bằng 88 Trường Chinh theo cơ chế đã được cổ đông thống nhất.

4. Các tồn tại theo báo cáo quyết toán năm 2012 cần báo cáo đại hội xem xét cho xử lý:

a. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng nhà máy: Chi đầu tư xây dựng cơ bản dở dang đang được hạch toán tại báo cáo tài chính năm 2012 là 145.853.717.727 đồng.

Năm 2011, Công ty đã thuê Công ty kiểm toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng nhà máy, kết quả kiểm toán xác định giá trị nhà máy được quyết toán là 107.201.236.995 đồng và đề nghị Công ty trình cấp thẩm quyền phê duyệt Quyết toán, tuy nhiên đến nay kiến nghị trên vẫn chưa được thực hiện. Ban kiểm soát đề nghị Đại hội lần này có Nghị quyết phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng nhà máy theo kết quả kiểm toán nêu trên để có căn cứ hạch toán tăng giá trị nhà máy và thực hiện trích khấu hao tạo nguồn vốn trả nợ vay vốn đầu tư nhà máy.

b. Thu hồi tiền tạm ứng cổ tức vượt nguồn lợi nhuận được chia của các năm trước:

Theo báo cáo của HĐQT thì tổng số cổ tức tạm ứng vượt nguồn từ năm 2010 trở về trước là khoảng trên 30 tỷ đồng.

Ban kiểm soát báo cáo đại hội giao HĐQT rà soát xác định rõ số cổ tức tạm ứng vượt nguồn, số đã thu được từ nguồn lợi nhuận sau thuế qua các năm để hoàn vốn sản xuất, số còn phải tiếp tục thu vào các năm tiếp theo để đại hội xem xét, quyết định cho thực hiện.

c. Chênh lệch phát hành cổ phiếu: Thông qua phát hành cổ phiếu năm 2007, Công ty đã thu được khoản tiền chênh lệch do bán cổ phiếu là 2.260.860.049 đồng, hiện đang hạch toán tại tài khoản phải thu khác.

Ban kiểm soát đề nghị cho xử lý giảm trừ số nợ phải thu cổ tức đã ứng trước để hoàn vốn kinh doanh cho Công ty.

02326-C
IG TY
PHÂN
C THỦY
NGUONGI
ĐA - TP

d. Lãi suất huy động vốn:

Thời gian qua Công ty phải huy động vốn của người lao động và cổ đông để sản xuất kinh doanh. Năm 2013 cần huy động vốn một cách linh hoạt và uyển chuyển, căn cứ vào nhu cầu thực tế về vốn trong sản xuất kinh doanh ở từng thời điểm và theo các quy định hiện hành.

II. Chỉ tiêu kế hoạch 2013 và các giải pháp thực hiện kế hoạch

1. Về các chỉ tiêu HĐQT báo cáo và ý kiến của Ban kiểm soát:

a. Doanh Thu: Theo báo cáo của HĐQT tổng doanh thu năm 2013 là 218 tỷ đồng, trong đó doanh thu sản xuất 128 tỷ đồng (*tăng 18% so với doanh thu thực hiện năm 2012*), doanh thu hàng nhập là 90 tỷ (*thấp hơn doanh thu thực hiện năm 2012*).

Ý kiến của BKS:

So với doanh thu 128 tỷ đồng thì mức huy động công suất nhà máy đạt thấp, tuy nhiên trong điều kiện vốn kinh doanh chủ yếu đi vay, lại có nhiều doanh nghiệp khác kinh doanh cùng mặt hàng, đang tranh chấp, phân chia thị trường với Công ty, vì vậy BKS thống nhất về doanh thu hàng sản xuất.

Vắc xin Tai Xanh và Cúm gia cầm của công ty đã được Bộ NN & PTNT, Cục thú y sử dụng làm hàng dự trữ quốc gia để phòng chống dịch bệnh được người chăn nuôi tin nhiệm về hiệu quả sử dụng. Đây là những mặt hàng Công ty CP thuốc thú y TW I được độc quyền phân phối trên toàn quốc trong điều kiện chăn nuôi phát sinh nhiều dịch bệnh. Xác định chỉ tiêu doanh thu hàng nhập 90 tỷ đồng là phù nhận thành tích 2012 Công ty đã thực hiện được và bỏ qua thế mạnh của mình. Ban kiểm soát đề nghị chỉ tiêu doanh thu hàng nhập là 100 tỷ đồng (*tăng 10% so với DT thực hiện năm 2012*) cho phù hợp với tình hình thực tế.

Như vậy, tổng doanh thu kế hoạch năm 2013 là **228 tỷ đồng** (128 + 100).

b. Lợi nhuận trước thuế: HĐQT đề nghị là 25 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 so với doanh thu đạt bằng 11,4%. Ban kiểm soát đề nghị căn cứ vào chỉ tiêu doanh thu năm 2013 (228 tỷ đồng) và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thực hiện 2012 là 11,4% để xác định chỉ tiêu lợi nhuận năm 2013, cụ thể là: $228 \text{ tỷ đồng doanh thu} \times 11,4\% = 26 \text{ tỷ đồng}$.

c. Cổ tức:

Ban kiểm soát nhận thấy thực tế đến nay công ty mới trả cổ tức 2011 cho cổ đông vào tháng 4 năm 2013. Nên cổ tức năm 2012 và 2013 BKS nhất trí với báo cáo của HĐQT trong mục phương hướng thực hiện năm 2013.

d. Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát: HĐQT chưa báo cáo.

Năm 2012 đại hội đã có nghị quyết với mức trích thù lao HĐQT là 0,3%, Ban kiểm soát là 0,07% trên tổng doanh thu. Mức trích thù lao nêu trên bao gồm cả các khoản chi về giao dịch, điện thoại, công tác phí...cho các thành viên.

Theo Ban kiểm soát việc trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát cần gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đề nghị xác định mức thù lao *tính theo lợi nhuận trước thuế thay vì theo doanh thu như các năm trước*, mức trích thù lao năm 2013 cho HĐQT là 2,6% và Ban kiểm soát là 0,6% trên tổng số lợi nhuận trước thuế. Với mức trích này nếu năm 2013 công ty có lãi 26 tỷ đồng thì thù lao các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát được nhận bằng năm 2012. Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát sẽ tăng thêm hoặc giảm đi theo mức tăng giảm lợi nhuận trước thuế có được. Đề nghị đại hội xem xét và nghị quyết.

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2013:

a. Đề nghị đại hội thảo luận và có Nghị quyết xử lý các tồn tại mà Ban kiểm soát đã báo cáo nêu trên về:

- Quyết toán vốn đầu tư xây dựng nhà máy,
- Lãi suất huy động vốn,
- Thu hồi tiền tạm ứng cổ tức vượt nguồn của các năm trước,
- Chênh lệch phát hành cổ phiếu;

b. Hàng tồn kho:

Công ty cần thực hiện rà soát và có giải pháp xử lý thông qua việc tiêu thụ sản phẩm và có kế hoạch nhập khẩu trên cơ sở cân đối với khả năng tiêu thụ sản phẩm nhập trên thị trường của Công ty.

c. Công tác quản trị:

Công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật để có căn cứ tổ chức thực hiện và kiểm soát trong quá trình sản xuất, trong quản lý tiến tới giao khoán tới từng bộ phận là nhà máy, chi nhánh, phân xưởng, phòng, ban.

Thực hiện tiết kiệm chi để tăng lợi nhuận năm 2013 cho công ty.

d. Công nợ phải thu: Công ty cần tổ chức rà soát, kịp thời thu hồi đối với các khoản công nợ phát sinh qua nhiều năm để hoàn lại vốn sản xuất kinh doanh cho Công ty.



e. Việc khởi công xây dựng văn phòng làm việc Chi nhánh Đà Nẵng trong báo cáo của HĐQT, BKS đề nghị ĐHCĐ thảo luận và có nghị quyết nên xây dựng văn phòng Đà Nẵng ở mức độ nào cho phù hợp.

III. Nhận xét và kiến nghị

Năm 2012, trong điều kiện vô cùng khó khăn, nhưng nhờ có sự phấn đấu không ngừng của HĐQT, Bộ máy điều hành, toàn thể người lao động Công ty và các cổ đông có tâm huyết nên Công ty sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

Những tồn tại của HĐQT đã nêu trong báo cáo, BKS đề nghị HĐQT sớm khắc phục. Nhanh chóng ban hành được các quy chế, quy định trong quá trình tổ chức thực hiện tại Công ty CP thuốc thú y TW I và Công ty TNHH thuốc thú y TW I để cổ đông yên tâm tin tưởng tuyệt đối vào sự phát triển ổn định của Công ty

Năm 2013 tình hình tài chính của Công ty chưa bớt khó khăn, để thực hiện được các chỉ tiêu đề ra, Ban kiểm soát kính mong toàn thể quý vị với trí tuệ và trách nhiệm của mình có ý kiến thiết thực đóng góp để Công ty phát triển vững chắc, đảm bảo việc làm thu nhập cho người lao động và quyền lợi cho các cổ đông.

Xin chân thành cảm ơn HĐQT, Bộ máy điều hành, người lao động Công ty cùng toàn thể quý vị cổ đông đã hợp tác giúp đỡ chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT;
- Các cổ đông dự Đại hội;
- Các thành viên BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Đinh Thị Xuân Phúc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
==000==

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2013

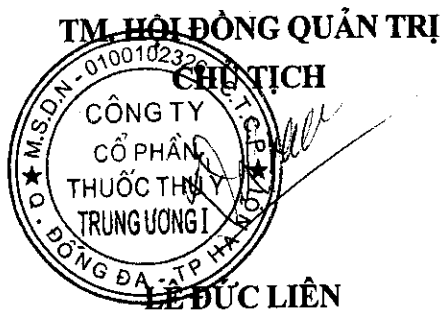
(V/v Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thuốc Thú y TW1)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 20.04.2012;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 10.03.2012 và ngày 31.03.2012.

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị” Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung ương I.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các thành viên Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Theo Điều 2;
- BKS, Ban GD (để biết).
- Lưu Vt.



QUY CHẾ

Tổ chức, hoạt động của Hội đồng Quản trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày 26.07.2013 của HĐQT)

35-HĐQT / 14Đ

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh về tổ chức, hoạt động và mối quan hệ làm việc của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần thuốc Thú y Trung Ương 1 (sau đây gọi tắt là Vinavetco hoặc Công ty).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người quản lý của Vinavetco bao gồm: Chủ tịch và thành viên HĐQT, người điều hành (gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc, các Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh, Giám đốc Công ty trực thuộc Vinavetco).

2. Người có liên quan: Là tổ chức, cá nhân có quan hệ với HĐQT nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên HĐQT;

b) Tổ chức mà trong đó có thành viên HĐQT là nhân viên, thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác của tổ chức đó hoặc chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

c) Thành viên HĐQT trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Quan hệ hợp đồng trong đó thành viên HĐQT là đại diện, ủy quyền cho người/tổ chức khác hoặc ngược lại.

3. Cổ đông lớn: Là cổ đông nắm cổ phần chiếm từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vinavetco

4. Điều lệ: Là Điều lệ của Vinavetco.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý (ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp ĐHCĐ) để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 (một) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 (bốn) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 104.3.c Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 4. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành công ty, Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị nếu kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc phải được phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (6) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ khi nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận..

Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, trong đó khoảng 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không điều hành.

2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 6. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải thông báo bằng văn bản theo mẫu của Công ty tới các thành viên khác của HĐQT và phải ưu tiên việc chuyển nhượng này cho các thành viên của HĐQT trong vòng 07 ngày kể từ ngày thông báo. Trường hợp các thành viên HĐQT từ chối

mua/bán cổ phần, thì thành viên HĐQT đó mới được chuyển nhượng cổ phần cho cá nhân/tổ chức khác với các điều kiện không thuận lợi hơn các điều kiện đã thông báo tới HĐQT. Việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên HĐQT phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty.

6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho các thành viên HĐQT về các giao dịch của cá nhân mình và/hoặc của các tổ chức/cá nhân mà mình có liên quan khi các giao dịch này có thể ảnh hưởng hoặc xung đột với lợi ích của Công ty và chỉ được sử dụng những giao dịch đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 7. Công khai các lợi ích liên quan¹

1. Thành viên HĐQT phải kê khai các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1, Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

2. . Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.²

3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:³

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp
- h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và cán bộ quản lý do Điều lệ công ty quy định; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

² Theo Điều 108 Luật Doanh nghiệp

- i. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

7. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

8. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

9. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

10. Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9 . Trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn và quyền lợi của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ. Chủ tọa họp Đại hội cổ đông;
- e. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
- f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo uỷ quyền của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị;
- g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Hợp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 11 . Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, tiểu ban khoa học kỹ thuật và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đối với tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của công ty.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

4. Trường hợp công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự và khoa học kỹ thuật.

Điều 12 . Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm thư ký HĐQT. Thư ký HĐQT phải là người có hiểu biết về pháp luật.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký HĐQT bao gồm:

- Chuẩn bị các văn bản các cuộc họp Hội đồng quản trị theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Làm biên bản các cuộc họp;
- Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp; cung cấp cho các thành viên HĐQT và trưởng ban kiểm soát sau 7 ngày khi kết thúc cuộc họp.
- Cung cấp bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị cho thành viên HĐQT và trưởng ban kiểm soát nếu có yêu cầu;

3. Thư ký HĐQT có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13 .Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho cổ đông.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị làm kiêm nhiệm chức danh Giám đốc và tổng Giám đốc thì hưởng thù lao của Giám đốc và các khoản thù lao khác của HĐQT.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.